Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8518.50.20

Mã HS	8518.50.20
Mô tả hàng hóa	Micro và giá đỡ micro; loa, đã hoặc chưa lắp ráp vào trong vỏ loa; tai nghe có khung chụp qua đầu và tai nghe không có khung chụp qua đầu, có hoặc không ghép nối với một micro, và các bộ gồm có một micro và một hoặc nhiều loa; thiết bị điện khuếch đại âm tần; bộ tăng âm điện / - Bộ tăng âm điện: / - - Loại khác, có loa, loại thích hợp cho phát sóng, có giải điện áp từ 50 V trở lên nhưng không quá 100 V
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 19:54:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85185020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15404
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15404
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15404
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục E)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	6,9	6,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AC!E14714
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14655
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14655
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14655
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14655
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14655
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14655
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14709
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14709
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14709
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14709

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14709
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14709
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14710
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14710
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14710
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14710
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14710
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14710
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F14713
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14661
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F14669
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G14669
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H14669
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I14669
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J14669
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K14669
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14700
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14700
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14700
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14700
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14700
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14700
VCFTA	2022	2022	2	VC!D14755
VCFTA	2023	2023	1	VC!E14755
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14755
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14755

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14755
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14755
VN-EAEU	2022	2022	2,7	EAV!D14732
VN-EAEU	2023	2023	1,8	EAV!E14732
VN-EAEU	2024	2024	0,9	EAV!F14732
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14732
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14732
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14732
AHKFTA	2022	2022	10	AKH!D14732
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E14732
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F14732
AHKFTA	2025	2025	10	AKH!G14732
AHKFTA	2026	2026	10	AKH!H14732
AHKFTA	2027	2027	10	AKH!I14732
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D14747
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E14747
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F14747
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14747
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14747
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14747
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D14746
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E14746
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F14746
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14746
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14746
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14746

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14739
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14739
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14739
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14739
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14739
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14739
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14739
RCEP A	2022	2022	9,3	RCEPT-A!D14734
RCEP A	2023	2023	8,7	RCEPT-A!E14734
RCEP A	2024	2024	8	RCEPT-A!F14734
RCEP A	2025	2025	7,3	RCEPT-A!G14734
RCEP A	2026	2026	6,7	RCEPT-A!H14734
RCEP A	2027	2027	6	RCEPT-A!I14734
RCEP B	2022	2022	9,3	B!D14734
RCEP B	2023	2023	8,7	B!E14734
RCEP B	2024	2024	8	B!F14734
RCEP B	2025	2025	7,3	B!G14734
RCEP B	2026	2026	6,7	B!H14734
RCEP B	2027	2027	6	B!I14734
RCEP C	2022	2022	10	C!D14734
RCEP C	2023	2023	10	C!E14734
RCEP C	2024	2024	10	C!F14734
RCEP C	2025	2025	10	C!G14734
RCEP C	2026	2026	10	C!H14734
RCEP C	2027	2027	10	C!I14734
RCEP D	2022	2022	9,4	D!D14733

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	8,8	D!E14733
RCEP D	2024	2024	8,1	D!F14733
RCEP D	2025	2025	7,5	D!G14733
RCEP D	2026	2026	6,9	D!H14733
RCEP D	2027	2027	6,3	D!I14733
RCEP E	2022	2022	9,3	E!D14737
RCEP E	2023	2023	8,7	E!E14737
RCEP E	2024	2024	8	E!F14737
RCEP E	2025	2025	7,3	E!G14737
RCEP E	2026	2026	6,7	E!H14737
RCEP E	2027	2027	6	E!I14737
RCEP F	2022	2022	9,3	F!D14734
RCEP F	2023	2023	8,7	F!E14734
RCEP F	2024	2024	8	F!F14734
RCEP F	2025	2025	7,3	F!G14734
RCEP F	2026	2026	6,7	F!H14734
RCEP F	2027	2027	6	F!I14734
VIFTA	2024	2024	8,6	VI!F13718
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G13718
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H13718
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I13718

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 10%, RCEP (Phụ lục C) 10%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (10%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 10%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8518.50 có 3 dòng thuế; dòng 8518.50.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác, có loa, loại thích hợp cho phát sóng, có giải điện áp từ 50 V trở lên nhưng không quá 100 V.	8518.50.10 Có dải công suất từ 240 W trở lên; 8518.50.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8518.50.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8518.50.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15404), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.